

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương;
- 2 Ông Phan Ngọc Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Tuyết P, 1982; địa chỉ cư trú: Khóm D, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trương Thị Tuyết P trình bày:

+ Về hôn nhân: Giữa chị P với anh Lê Hoàng N do 02 người tự tìm hiểu quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý nên anh và chị tiến tới hôn nhân vào năm 2001. Hai người có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T (nay là phường T), thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 252/KH, quyền

II/2008, ngày 11/8/2008. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N suốt ngày chỉ biết ăn nhậu không lo làm ăn gì cả, một mình chị P đi làm nuôi con. Vợ, chồng sống không hạnh phúc nên hai người không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, chị P phải về gia đình cha mẹ ruột chị sống. Chị P nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị P xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Giữa chị P với anh N có với nhau 03 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 17/8/2002 (đã trưởng thành), Lê Thị Thúy V, sinh ngày 10/01/2005 và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 03/4/2008. Chị P yêu cầu được nuôi cháu Thúy V và cháu Thúy N, chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P với anh N không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P với anh N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2022 của ông Lê Hoàng T là Phó khóm A, phường H cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị P với anh N thể hiện: Anh Lê Hoàng N với chị Trương Thị Tuyết P cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T (nay là UBND phường T). Sau khi cưới nhau thì anh N với chị P về sống tại nhà anh N tại khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Trong cuộc sống anh N làm thuê, có tính ham chơi và thường tham gia những tệ nạn xã hội như cá độ bóng đá... dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Vào khoảng năm 2008 anh N với chị P lên Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê ít khi về nhà. Anh N và chị P có xây dựng một căn nhà nhỏ phía sau nhà cha mẹ ruột anh N. Hiện cha, mẹ ruột anh N đều đã mất, các anh, chị, em của anh N đều đi làm ăn xa nên nhà đóng cửa. Anh N với chị P có 03 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 17/8/2002 (đã trưởng thành), Lê Thị Thúy V, sinh ngày 10/01/2005 và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 03/4/2008. Về mâu thuẫn vợ chồng thế nào địa phương không nắm.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2022 Công an phường H cung cấp: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang theo tờ hộ khẩu số 1453, chung hộ với ông Lê Văn C. Hiện anh N vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh N vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 27/5/2022 của ông Lê Hoàng T, Phó khóm A, phường H và Công an phường H, biên bản không lấy được lời khai anh N ngày 27/5/2022 của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên yêu cầu, anh N vắng mặt,

Chị P xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh N không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Trương Thị Tuyết P với anh Lê Hoàng N có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2017 giữa chị P và anh N có phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm. Chị P và anh N đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị P với anh N có 03 người con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 17/8/2002, Lê Thị Thúy V, sinh ngày 10/01/2005 và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 03/4/2008. Cháu Thư đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Đề nghị giao cháu Thúy V và Thúy N cho chị P nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Trương Thị Tuyết P khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Lê Hoàng N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2022 Công an phường H cung cấp: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang theo tờ hộ khẩu số 1453, chung hộ với ông Lê Văn C. Hiện anh N vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Hoàng N vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết P với anh Lê Hoàng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là UBND phường T), thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 252/KH, quyển II/2008, ngày 11/8/2008. Xét, hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp.

Chị P khai, Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N suốt ngày chỉ biết ăn nhậu không lo làm ăn gì cả, một mình chị P đi làm nuôi con. Vợ, chồng sống không hạnh phúc nên hai người không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, chị P phải về gia đình cha mẹ ruột chị sống. Chị P nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị P xin được ly hôn với anh N.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2022 của ông Lê Hoàng T là Phó khóm A, phường H cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị P với anh N thể hiện: Anh Lê Hoàng N với chị Trương Thị Tuyết P cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T (nay là UBND phường T). Sau khi cưới nhau thì anh N với chị P về sống tại nhà anh N tại khóm A, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Trong cuộc sống anh N làm thuê, có tính ham chơi và thường tham gia những tệ nạn xã hội như cá độ bóng đá... dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Vào khoảng năm 2008 anh N với chị P lên Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê ít khi về nhà. Anh N và chị P có xây dựng một căn nhà nhỏ phía sau nhà cha mẹ ruột anh N. Hiện cha, mẹ ruột anh N đều đã mất, các anh, chị, em của anh N đều đi làm ăn xa nên nhà đóng cửa. Anh N với chị P có 03 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 17/8/2002 (đã trưởng thành), Lê Thị Thúy V, sinh ngày 10/01/2005 và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 03/4/2008. Về mâu thuẫn vợ chồng thế nào địa phương không nắm.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị P với anh N có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị P với anh N đã sống xa cách nhau từ năm 2017 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị P ly hôn đối với anh N.

[3] Về con chung: Giữa chị P với anh N có với nhau 03 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 17/8/2002 (đã trưởng thành), Lê Thị Thúy V, sinh ngày 10/01/2005 và Lê Thị Thúy N, sinh ngày 03/4/2008. Chị P yêu cầu được nuôi cháu Thúy V và cháu Thúy N, chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Thúy V và cháu Thúy N muốn được sống với chị P.

Xét, giao cháu Lê Thị Thúy V và Lê Thị Thúy N, cho chị P nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng cháu Lê Thị Thúy V và Lê Thị Thúy N muốn được sống với chị P.

Chị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu anh Lê Hoàng N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì anh N vẫn có quyền khởi kiện chị Trương Thị Tuyết P yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Tuyết P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006184 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Hoàng N không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tuyết P.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết P được ly hôn với anh Lê Hoàng N;

Giấy chứng nhận kết hôn số 252/KH, quyền II/2008, ngày 11/8/2008 do UBND thị trấn T (nay là UBND phường T), thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Trương Thị Tuyết P với anh Lê Hoàng N không còn giá trị pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thúy V và Lê Thị Thúy N, cho chị Trương Thị Tuyết P nuôi dưỡng. Anh Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi

con. Nguyên vọng cháu Lê Thị Thúy V và Lê Thị Thúy N muốn được sống với chị P.

Chị Trương Thị Tuyết P cùng gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Hoàng N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu anh Lê Hoàng N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì anh N vẫn có quyền khởi kiện chị Trương Thị Tuyết P yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí: Chị Trương Thị Tuyết P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006184 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Hoàng N không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án chị Trương Thị Tuyết P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Lê Hoàng N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh